

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HSST
Ngày 30-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các hội thẩm nhân dân

1. Ông Phan Sỹ Phác

2. Bà Sào Thị Lưu

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Mil.

Đại diện VKSND huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Bà Niê Đoàn Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 30/8/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Mil mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 32/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh năm 12/3/2003; tại: tỉnh Đăk Nông; nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn D, sinh năm 1974; Con bà Cao Thị H, sinh năm 1978. Trú tại: thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đăk Nông; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2021 (Có mặt tại phiên tòa).

****/ Người bị hại:***

Anh Nguyễn Công M – sinh năm 2003

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt

****/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Tài N – sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn 1, xã X, huyện S, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt

2. Chị Trần Thị Thu H – sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện M, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt

3. Ông Nguyễn Văn Q – sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt

4. Bà Cao Thị H – sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12h00' ngày 20/5/2021, Trần Văn T đi bộ đến quán internet Hồng Hà tại thôn P, xã N để chơi điện tử thì phát hiện xe gắn máy biển kiểm soát 48AE-002.39 của anh Nguyễn Công M (sinh năm 2003, trú tại thôn H, xã Đ, huyện Đắk Mil) đang dựng ở phía sau quán, không có người trong coi nên Trần Văn T nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 14h00' cùng ngày, Trần Văn T đi bộ ra phía sau quán đến gần xe gắn máy biển kiểm soát 48AE-002.39 dùng tay tháo dây điện mở khoá xe rồi dắt xe ra đường, nổ máy và điều khiển về rẫy của gia đình Trần Văn T tại khu vực R, huyện S để cất giấu.

Đến ngày 22/5/2021, Trần Văn T điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 48AE-002.39 đến xã X, huyện S, tỉnh Đắk Nông gặp Nguyễn Văn D (sinh năm 1997, trú tại thôn 1A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk). Sau đó, Nguyễn Văn D dẫn Trần Văn T đến gặp Nguyễn Tài N (sinh năm 2000, trú tại Thôn 1, xã X, huyện S) để cầm cố chiếc xe gắn máy biển kiểm soát 48AE-002.39 cho Nguyễn Tài N được 1.500.000 đồng, T đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Sau đó, hành vi trộm cắp tài sản của Trần Văn T bị quần chúng nhân dân phát hiện, trình báo cho cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil đề điều tra, làm rõ, xử lý Trần Văn T theo quy định của pháp luật.

Tại kết luận định giá tài sản số 17/KLHĐĐGTS ngày 27/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Mil kết luận: xe gắn máy nhãn hiệu Bosscity màu đỏ đen loại 50F biển kiểm soát 48AE-002.39 có giá trị là 4.333.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 33/Ctr-VKS ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại không có yêu cầu bồi thường; chấp nhận bị cáo Trần Văn T đã tác động gia đình bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tài N số tiền 1.500.000đ.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 106 BLTTHS, áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil đã thu giữ sau đó ra quyết định xử lý vật chứng: gắn máy biển kiểm soát 48AE-002.39 cho anh Nguyễn Công M là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa, không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ được, bản kết luận định giá tài sản cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa. HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 14h00' ngày 20/5/2021, tại thôn P, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông, Trần Văn T có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Công M xe gắn máy nhãn hiệu Bosscity màu đỏ đen loại 50F biển kiểm soát 48AE-002.39 có giá trị là 4.333.000 đồng

Xét quan điểm buộc tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

...

[3] Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra thuộc tội phạm ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên do lười biếng lao động muốn có tiền tiêu xài, bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp của anh Nguyễn Công M 01 xe máy trị giá 4.333.000đ. Điều đó thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử phạt bị

cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi do bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp; bị cáo đã bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền 1.500.000đ, bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm mà bị cáo gây ra HĐXX xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại anh Nguyễn Công M không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết; bị cáo đã bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tài N số tiền 1.500.000đ, việc thỏa thuận bồi thường phù hợp với quy định tại Điều 584, 589 BLDS nên cần chấp nhận.

[7] Về vật chứng của vụ án: căn cứ Điều 106 BLTTHS, áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS, việc cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil đã thu giữ sau đó ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại xe gắn máy nhãn hiệu Bosscity màu đỏ đen loại 50F biển kiểm soát 48AE-002.39 cho anh Nguyễn Công M là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp nên cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị Trần Văn T phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 25/5/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Công M không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Áp dụng Điều 584, Điều 589 BLDS, chấp nhận trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tài N số tiền 1.500.000đ.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 BLTTHS, áp dụng Điều 47 BLHS:

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và trả lại xe gắn máy nhãn hiệu Bosscity màu đỏ đen loại 50F biển kiểm soát 48AE-002.39 cho anh Nguyễn Công M là chủ sở hữu hợp pháp.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 BLTTHS; NQ 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền quyền kháng cáo bản án những nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKS ND huyện ĐắkMil;
- Đội điều tra Công an huyện Đắk Mil;
- Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
- Bộ phận Nghiệp vụ CA huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Thắng